

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KV - HN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L1 - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2026

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KV - HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Đức Lưu.**

2. Bà Quang Thị Ngà.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Hoàng Thu Thảo.**

Thư ký Tòa án nhân dân KV - Thành phố HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương Mai – Kiểm sát

viên.

Ngày 12/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV - HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 599/2025/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2025. Giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988.

CCCD: ...do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 21/11/2021.

Nơi thường trú: Số nhà ..., xóm ..., thôn NK, xã NK, Thành phố HN.

Nơi tạm trú: Số ..., đội ..., thôn TO, xã NK, Thành phố HN.

Nghề nghiệp: Giáo viên.

Có mặt tại

phiên tòa.

2. **Bị đơn:** **Ông Nguyễn Văn L**, sinh năm 1988.

CCCD: ...do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 21/4/2022.

Nơi cư trú: Số nhà ..., xóm ..., thôn NK, xã NK, Thành phố HN.

Nghề nghiệp: Tự do.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về tình cảm: Bà và ông Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã NK, huyện ĐA (cũ) nay là Ủy ban nhân dân xã NK, Thành phố HN.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn NK, xã NK, huyện ĐA, nay là thôn NK, xã NK, Thành phố HN.

Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và bên cạnh đó còn mâu thuẫn cả về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Từ tháng 7/2023 do mâu thuẫn căng thẳng bà đã chuyển ra ngoài ở, ông L cũng bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về, bà cũng không biết ông L đang làm gì, ở đâu. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

+ Về con chung: Quá trình chung sống ông bà sinh được 03 người con chung là Nguyễn Minh A sinh ngày 06/6/2011, Nguyễn Dạ Minh C sinh ngày 03/01/2013 và Nguyễn Minh N sinh ngày 15/8/2018. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt và đang ở cùng mẹ.

Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung vì ông L không có nhà và bà không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại bà đang làm giáo viên, mỗi tháng thu nhập bình quân là 10.000.000 đồng. Ông L làm công việc tự do, thu nhập như thế nào bà không nắm rõ.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các vấn đề trên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Bị đơn – Ông Nguyễn Văn L:** Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn L đến Tòa án để làm việc, nhưng ông L đều không đến. Tòa án đã nhiều lần

trực tiếp đến nhà để lấy lời khai của ông L làm căn cứ giải quyết vụ án, tuy nhiên ông L đều vắng nhà, do vậy nên không lấy được lời khai của ông L.

Tại phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà vẫn xác định hiện nay không biết ông L đang ở đâu, làm gì và bà vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, nên bà kiên quyết xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Ông bà sinh được 03 người con chung là Nguyễn Minh A sinh ngày 06/6/2011, Nguyễn Dạ Minh C sinh ngày 03/01/2013 và Nguyễn Minh N sinh ngày 15/8/2018. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt và đang ở cùng bà.

Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung do ông L không sinh sống ở nhà.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại bà đang làm giáo viên tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục A, ngoài ra bà T còn làm thêm tại Công ty TNHH TC, thu nhập bình quân hàng tháng được khoảng hơn 10.000.000 đồng. Ông L làm công việc gì, thu nhập là bao nhiêu bà T cũng không biết rõ.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

+ Ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa, nên không có lời trình bày.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV – HN phát biểu ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tổng đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Bà T chấp hành tốt pháp luật, ông L không chấp hành tốt pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Bà T và ông L có 03 con chung là Nguyễn Minh A sinh ngày 06/6/2011, Nguyễn Dạ Minh C sinh ngày 03/01/2013 và Nguyễn Minh N sinh ngày 15/8/2018. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt và đang ở cùng mẹ.

Sau khi ly hôn, giao cả 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông L đều không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NK, huyện ĐA, Thành phố HN (cũ), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 quyển số 01/2010 ngày 13/9/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà T có đơn xin ly hôn với ông L. Ông L có địa chỉ nơi ở tại xã NK, Thành phố HN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân KV - HN, quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[1.2] Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn L đến Tòa án để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng ông L đều không đến. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp đến nhà để lấy lời khai của ông L, tuy nhiên ông L đều vắng nhà, do vậy nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà đối với ông L theo đúng quy định của pháp luật. Ông L vắng mặt tại

phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà không phù hợp nhau về tính cách, thường hay bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, ông L đi đâu, làm gì không ai biết. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà T xin được ly hôn với ông L.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi ông bà chung sống thì bà T và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống cùng nhau tại thôn NK, xã NK, Thành phố HN cùng bố mẹ chồng. Quá trình chung sống thời gian đầu cũng không có điều tiếng gì, đến thời gian gần đây theo gia đình cung cấp thì được biết ông bà có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương cũng không nắm được, chỉ biết hiện nay ông bà không còn chung sống cùng nhau nữa, bà T cùng các con đã chuyển ra ngoài ở, ông L đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, hiện nay ông L đang sinh sống tại địa chỉ cụ thể nào thì địa phương cũng không nắm được. Nay bà T xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo cung cấp của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị L1 là bố mẹ đẻ ông L thì ông L và bà T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và có tổ chức cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng ông L và bà T về chung sống cùng gia đình ông bà tại thôn NK, xã NK nay là thôn NK, xã NK, Thành phố HN. Quá trình chung sống ban đầu ông L và bà T cũng không có mâu thuẫn gì, đến thời gian khoảng 2 năm gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì ông bà không nắm được, chỉ thấy ông L và bà T thường xuyên xảy ra cãi vã, khi thấy to tiếng thì ông bà cũng chạy lên hoà giải nhưng không được. Đến khi mâu thuẫn căng thẳng thì bà T đã đưa 2 cháu nhỏ ra ngoài ở riêng, còn ông L cũng bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, ông L cũng không nói cho ông bà biết ông L đang ở đâu. Ông L và bà T đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà T xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông L là có thực. Sau khi kết hôn ông bà sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện mối quan hệ để vợ chồng để quay về đoàn tụ, ông L đi đâu, làm gì không ai biết. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc bà T xin ly hôn ông L là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông L có 03 con chung là Nguyễn Minh A sinh ngày 06/6/2011, Nguyễn Dạ Minh C sinh ngày 03/01/2013 và Nguyễn Minh N sinh ngày 15/8/2018.

Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Theo các tài liệu do bà T cung cấp thì hiện nay bà T đang làm giáo viên tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục A, ngoài ra bà T còn làm thêm tại Công ty TNHH TC, thu nhập bình quân hàng tháng được khoảng hơn 10.000.000 đồng. Ông L làm công việc gì, thu nhập là bao nhiêu bà T cũng không biết rõ.

Theo văn bản xác nhận của ông Nguyễn Doãn Sáng và bà Đỗ Thị Minh là bố mẹ đẻ của bà T thì ông bà xác nhận bà T đã về nhà ông bà sống từ tháng 7/2023 cho đến nay. Ông bà hỗ trợ bà T và các con của bà T về chỗ ăn ở để mẹ con bà T được sống thoải mái, ổn định và an tâm làm việc.

Theo cung cấp của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị L1 là bố mẹ đẻ ông L thì ông bà xác nhận ông L và bà T có 03 con chung như bà T trình bày là đúng, hiện tại sức khỏe các cháu tốt và vẫn đang ở cùng với bà T. Trường hợp ông L và bà T ly hôn thì về con chung đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua điều tra xác minh thì hiện nay ông L đang sinh sống và làm việc ở đâu không ai biết, chỉ thỉnh thoảng ông L mới về nhà. Vì vậy xét về điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các con đối với ông L là không có. Xét nguyện vọng của bà T cũng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 3 con chung sau khi ly hôn, nguyện vọng của cả 3 con chung sau khi bố mẹ ly hôn là đều muốn được ở với mẹ. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy giao cả 3 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn

là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế cuộc sống của các cháu nhỏ cũng như nguyện vọng của các cháu.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông L vắng mặt và không có ý kiến gì. Do vậy nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông L cho đến khi bà T có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II DA mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Xác nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L có 03 con chung là Nguyễn Minh A sinh ngày 06/6/2011, Nguyễn Dạ Minh C sinh ngày 03/01/2013 và Nguyễn Minh N sinh ngày 15/8/2018.

Giao cả 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông L cho đến khi bà T có yêu cầu.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn L đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 000015160, ký hiệu BLTU/25E ngày 05/11/2025 tại Phòng Thi hành án KV – Thành phố HN. Xác nhận bà T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Bà Nguyễn Thị T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV, HN;
- Phòng THA KV, TP HN;
- TAND Thành phố HN;
- UBND X.NK, H.ĐA
- Nay là UBND X.NK, TP.HN;
(GCNKH số 01, Quyển số 01/2010
ngày 13/9/2010);
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu Huyền

